

Số: /2023/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định về mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm không thông qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số

46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 600/TTr-STC ngày 30 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 3 Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình

1. Bổ sung khoản 1a vào khoản 1 như sau:

“1a) Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất xây dựng công trình sự nghiệp trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Mức tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất xây dựng công trình sự nghiệp
1	Khu vực thành phố Hòa Bình (trừ các dự án thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư)	
1.1	Các khu đất thuộc địa bàn các phường Phương Lâm, Đồng Tiến, Tân Thịnh, Tân Hòa, Thịnh Lang, Quỳnh Lâm, Hữu Nghị	1,4
1.2	Các khu đất thuộc các phường còn lại	1,2
1.3	Các khu đất thuộc các xã (trừ các xã vùng III)	1
2	Khu vực huyện Lương Sơn (trừ các dự án thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư)	
2.1	Các khu đất thuộc địa bàn thị trấn Lương Sơn	1,2
2.2	Các khu đất còn lại (trừ các xã vùng III)	1
3	Khu vực các huyện còn lại (trừ huyện Đà Bắc, Mai Châu và các dự án thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư)	
3.1	Các khu đất thuộc địa bàn thị trấn các huyện	1
3.2	Các khu đất còn lại (trừ các xã vùng III)	0,9
4	Khu vực huyện Đà Bắc, Mai Châu (trừ các xã vùng III và các dự án thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư)	0,9
5	Các xã thuộc vùng III	0,5

6	Các dự án thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh	0,9
7	Các dự án thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh	0,7

2. Thay thế một số cụm từ tại khoản 1 như sau:

a) Thay thế cụm từ “*Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư*” bằng cụm từ “*Các dự án thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư*”.

b) Thay thế cụm từ “*Lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư*” bằng cụm từ “*Ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (PMD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm